

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác
bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2026-2031 tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số
85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ
chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị
định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ
Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các
cấp nhiệm kỳ 2026-2031;*

*Xét Tờ trình số 732/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1231/BC-PC ngày 20 tháng 11 năm 2025 của
Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp;*

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 tỉnh Sơn La.

Điều 2. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 148/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của HĐND tỉnh quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Sơn La.



3. Các nội dung và mức chi khác liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 tỉnh Sơn La không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.

4. Trường hợp các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 37 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội Vụ; Tài chính; Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Đảng ủy HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vi Đức Thọ

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ KINH PHÍ PHỤC VỤ
CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHOA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031 TỈNH SƠN LA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 140/2025/NQ-HĐND ngày 21/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị		
a	Chi hội nghị thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La		
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 123/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp		
a	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		
-	Chủ trì cuộc họp	500.000 đồng/người/buổi	250.000 đồng/người/buổi
-	Thành viên tham dự	200.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi
-	Các đối tượng phục vụ	100.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
b	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử		
-	Chủ trì cuộc họp	300.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Thành viên tham dự	200.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi
-	Các đối tượng phục vụ	100.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:		
a	Trưởng đoàn giám sát	300.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	200.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát		
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	150.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người /buổi
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	100.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát		
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	5.000.000 đồng/báo cáo	3.000.000 đồng/báo cáo
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử tỉnh	6.000.000 đồng/báo cáo	
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 800.000 đồng/người/văn bản	120.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 480.000 đồng/người/văn bản
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	1.000.000 đồng/báo cáo	600.000 đồng/báo cáo 

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
4	Chi xây dựng văn bản		
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành		
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh do Ủy ban bầu cử, các Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử)		
-	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	3.000.000 đồng/văn bản	1.500.000 đồng/văn bản
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 800.000 đồng/người/văn bản	120.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 480.000 đồng/người/văn bản
5	Chi bồi dưỡng kinh phí cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử		
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau		
-	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc phục vụ bầu cử	3.000.000 đồng/người/tháng	1.500.000 đồng/người/tháng
-	Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử; Tổ phó Tổ giúp việc	2.500.000 đồng/người/tháng	1.000.000 đồng/người/tháng
-	Thành viên các Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử	2.200.000 đồng/người/tháng	900.000 đồng/người/tháng

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Tổ giúp việc kết thúc nhiệm vụ; Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
b	Bồi dưỡng đối với các đối tượng là thành viên các Ban bầu cử, tổ bầu cử trong đợt bầu cử và các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các tổ giúp việc Ủy ban bầu cử); thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	200.000 đồng/người/ngày	
	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	3.000.000 đồng/người/tháng	
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt	300.000 đồng/người/ngày	
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử		
a	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tổ giúp việc phục vụ bầu cử; Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tổ giúp việc; Thành viên các Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử	400.000 đồng/người/tháng	200.000 đồng/người/tháng

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
b	Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND các cấp, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động	300.000 đồng/người/tháng	200.000 đồng/người/tháng
c	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
7	Ủy ban bầu cử tỉnh khoán chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương, đại biểu HĐND các cấp thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác	4.000.000 đồng/điểm	
	Trường hợp, nhiều người ứng cử cùng một địa bàn mức hỗ trợ tối đa 4.000.000 đồng/điểm. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh		
8	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử		
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	150.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	100.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	50.000 đồng/người/buổi	30.000 đồng/người/buổi
9	Chi đóng hòm phiếu tại nơi bỏ phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung)	500.000 đồng/hòm phiếu	
10	Chi khắc dấu (Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	400.000 đồng/dấu	

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
11	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	1.500.000 đồng/bảng	
12	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		
13	Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ		
14	Các nội dung chi khác phát sinh thực tế chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		